

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HS-ST

Ngày 12-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Dũng;

- Bà Đinh Thị Thanh Thủy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hạ Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và ngày 12 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 194/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo: **Nguyễn Thanh T (T8)**, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1962 tại Quảng Ngãi. Nơi thường trú: **Số A T, khu phố C, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh**. Nơi ở hiện tại: **Số D đường H, phường D, quận T, thành phố Hồ Chí Minh**; nghề nghiệp: Thợ hàn; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn X** (chết) và bà **Nguyễn Thị B** (chết); vợ: **C** sống như vợ chồng không đăng ký kết hôn với bà **Nguyễn Thị N**, con: 01 người sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2023

đến ngày 31/7/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Bảo lãnh, bị cáo bị bắt tạm giam lại ngày 06/10/2023 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa;

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Thủy s năm 1949, địa chỉ: Số A đường N, tổ A, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. Bà Lê Thị N1 sinh năm 1962, địa chỉ: Số A đường H, tổ F, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Minh P sinh năm 1954, địa chỉ: Hẻm B đường H, tổ H, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

4. Bà Từ Thị Đ sinh năm 1917, địa chỉ: Tổ H, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị T1 sinh năm 1960, địa chỉ: Số B đường N, tổ A, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

6. Bà Huỳnh Kim X1 sinh năm 1946, địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, có mặt.

7. Bà Phan Thị T2 sinh năm 1949, địa chỉ: Số A đường N, tổ A, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1959, địa chỉ: Số A đường T, tổ A, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

9. Bà Đàm Thị Đ1 sinh năm 1944, địa chỉ: Số A đường N, tổ A, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

10. Bà Nguyễn Thị H sinh năm 1943 (chết)

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H:

+ Bà Bùi Thị Như H1 sinh năm 1975, địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Ông Bùi Minh S, sinh năm 1977, địa chỉ: Tổ B, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Ông Bùi Văn Lâm s1 năm 1979, nơi thường trú: Số B đường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, chỗ ở hiện nay: Số E đường L, tổ C, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà **Bùi Thị C1** sinh năm 1955, địa chỉ: **Tổ D, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**, vắng mặt.
2. Ông **Lê Minh s2** năm 1954, địa chỉ: **Tổ D, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**, vắng mặt.
3. Ông **Ngô Kim P1** sinh năm 1955, địa chỉ: **Tổ I, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**, vắng mặt.
4. Ông **Phan Đình H2** sinh năm 1960, địa chỉ: **Tổ D, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**, vắng mặt.
5. Ông **Nguyễn Văn D** sinh năm 1970, địa chỉ: **Thôn Đ, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định**, vắng mặt.
6. Bà **Lê Thị Nữ s3** năm 1970, địa chỉ: **Thôn Đ, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định**, vắng mặt.
7. Bà **Phạm Thị N2** sinh năm 1960, địa chỉ: **Hẻm A đường T, tổ I, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**, vắng mặt.
8. Bà **Nguyễn Thị N** sinh năm 1961, địa chỉ: **Số D đường H, phường D, quận T, thành phố Hồ Chí Minh**, vắng mặt.
9. Ông **Võ Chí T3** sinh năm 1952 và bà **Đỗ Thị Hồng H3** sinh năm 1952 cùng địa chỉ: **Tổ C, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào năm 1995, bà **Nguyễn Thị N** chung sống với bị cáo **Nguyễn Thanh T** như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn tại **xã Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ngãi** (nay là phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi). Tại thời điểm này, bà **N** và bị cáo thuê mặt bằng của **Hợp tác xã Q1** mở cơ sở kinh doanh sản xuất đường kết tinh. Trong thời gian kinh doanh từ năm 1996 đến tháng 8/1997, bà **N** và bị cáo thống nhất cùng nhau vay mượn tiền, vàng của nhiều người, lúc này bà **N** công tác tại **Công ty Đ3**, các khoản tiền, vàng vay mượn chủ yếu là của những người cùng làm chung Công ty với bà **N** và những người do **Nguyễn Thanh T** quen biết thông qua giao dịch mua bán đường. Do kinh doanh thua lỗ, phải trả lãi vay nhiều, vay của người sau trả cho người trước, quản lý kinh doanh không tốt nên dẫn đến mất khả

năng chi trả; vì thế tháng 9/1997, bà N và bị cáo thống nhất trốn vào thành phố Hồ Chí Minh nhằm chiếm đoạt tài sản của người cho vay. Sau 03 năm lần trốn cùng nhau tại thành phố Hồ Chí Minh thì N và bị cáo không sống chung với nhau nữa, không có liên lạc. Đến ngày 06/9/2008, bà N ra đầu thú tại Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi còn bị cáo lần trốn đến ngày 03/4/2023 thì bị bắt truy nã. Kết quả điều tra xác định bà N và bị cáo T đã vay mượn tiền của 10 người với tổng số tiền 199.200.000 đồng, cụ thể người cho vay, số tiền vay như sau: Bà Nguyễn Thị T4 50.000.000 đồng; bà Lê Thị N1 19.700.000 đồng; bà Nguyễn Thị Minh P 20.000.000 đồng; bà Từ Thị Đ 17.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị T1 15.000.000 đồng; Huỳnh Kim X2 2.500.000 đồng; Phan Thị T2 10.000.000 đồng; Nguyễn Thị L 19.000.000 đồng; Đàm Thị Đ1 20.000.000 đồng; Nguyễn Thị H 26.000.000 đồng. Những khoản tiền vay, mượn trên, bà N đều đưa cho bị cáo để sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng bị cáo không xác định được cụ thể số tiền sử dụng vào đầu tư kinh doanh là bao nhiêu nên không có cơ sở khấu trừ phần đã đầu tư là bao nhiêu. Do đó, bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng số tiền 199.200.000 đồng đã chiếm đoạt của các bị hại cùng với bà Nguyễn Thị N.

Ngoài ra, trong quá trình giao dịch kinh doanh đường kết tinh, bị cáo có nợ tiền ăn nhập, tiền mua nguyên liệu và trực tiếp vay, mượn tiền với tổng số tiền 46.861.500 đồng, cụ thể:

- Bà Bùi Thị C1 cùng 09 nhân viên ở K nông sản thực phẩm Quảng Ngãi gồm các ông, bà: Lê M, Lâm Thị T5 (không rõ lai lịch), Tạ Văn Đ2 (không rõ lai lịch), Tống Văn T6 (không rõ lai lịch), Ngô Kim P1, Nguyễn Văn S1 (không rõ lai lịch), Huỳnh Ngọc B1 (không rõ lai lịch), Đặng Bình Q (không rõ lai lịch), Phan Đình H2 (không rõ lai lịch) (thời điểm đó ông M là người phụ trách, bà C1 là kế toán), mỗi người đã góp 5.000.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Thanh T vay số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 14/3/1997, lãi suất 03%/tháng để bị cáo kinh doanh đường và bán đường lại cho ông M, bà C1. Ngày 01/8/1997 bị cáo đã trả tiền gốc là 24.673.500 đồng và tiền lãi là 4.980.000 đồng, hai bên xác định số tiền bị cáo T còn nợ lại là 20.346.500 đồng. Khoảng tháng 9/1997 (không xác định được ngày cụ thể), bị cáo đã trả toàn bộ số tiền 20.346.500 đồng cho ông Ngô Kim P1, ông P1 đưa số tiền trên cho bà C1 và số tiền được trả đã chia đều cho 10 người. Cơ quan điều tra xác định bị

cáo **T** đã trả số tiền 20.346.500 đồng cho 10 người nêu trên trước thời điểm **Công an thị xã Q** khởi tố bị cáo **T**, bị cáo không có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt số tiền 20.346.500 đồng của 10 người trên.

- Từ cuối năm 1995 đến tháng 6/1997, bị cáo **T** đã nhiều lần mua đường mật của ông **Nguyễn Văn D** theo phương thức nhận hàng trước trả tiền sau nhưng bị cáo **T** chưa trả đủ tiền, còn nợ lại 25.823.000 đồng. Ngày 27/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **công an thành phố Q** làm việc với vợ chồng ông **D**, bà **Lê Thị N3** xác định: Khoảng tháng 9/1997, bị cáo đã trả đủ số tiền 25.823.000 đồng cho bà **N3**, nhưng bà **N3** không nói lại cho ông **D** biết, bà **N3** sử dụng số tiền trên vào mục đích sinh hoạt của hai vợ chồng, ông **D** không biết bà **N3** đã nhận tiền của bị cáo **T** nên đã trình báo Cơ quan chức năng về việc bị cáo có hành vi chiếm đoạt số tiền trên, ông **D**, bà **N3** đã thống nhất nội dung trên. Do đó, cơ quan điều tra xác định bị cáo đã trả tiền cho ông **D** trước thời điểm ông **D** trình báo với cơ quan chức năng, bị cáo không có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt số tiền trên của ông **D**.

- Vào tháng 7/1997 bị cáo **T** đến cửa hàng bà **Phạm Thị N2** ăn nhậu tiếp khách, phát sinh nợ số tiền 692.000 đồng nhưng bị cáo chưa thanh toán (bà **N2** đã bỏ tiền cá nhân trả tiền cho cửa hàng), đây là quan hệ dân sự. Bị cáo đã trả số tiền này cho bà **N2**.

Trong quá trình vay mượn, bà **N** và bị cáo **T** đã thế chấp tài sản nhà, đất của mình tại địa chỉ **số A đường N, phường Q, thành phố Q** để vay của vợ chồng ông **Nguyễn Chí T7** và bà **Đỗ Thị Hồng H3** nhiều khoản tiền và còn nợ lại số tiền 122.000.000 đồng chưa thanh toán. Tại bản án số 08/2011/HSST ngày 25/3/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xác định sự việc này sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quan hệ pháp luật dân sự khi ông **T7**, bà **H3** có đơn khởi kiện. Tiếp tục kê biên, bảo thủ ngôi nhà và quyền sử dụng đất của bà **N**, bị cáo **T** (tại **số A đường N, phường Q, thành phố Q**). Theo biên bản định giá tài sản ngày 26/3/2009 và kết luận định giá ngày 01/4/2009 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự. Tam giao cho vợ chồng ông **T7**, bà **H3** quản lý sử dụng để đảm bảo thi hành án. Ông **T7**, bà **H3** không được sửa chữa, chuyển nhượng cho ai dưới bất kỳ hình thức nào đối với nhà và đất trên và hiện Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đang thụ lý, giải quyết vụ án dân sự theo đơn khởi kiện của bà **Nguyễn Thị N**.

Đối với bà **Nguyễn Thị N** đã bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xử phạt 30 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 theo Bản án số 08/2011/HSST ngày 25/3/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi. Đến ngày 27/5/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt bà **N** 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm d khoản Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 theo Bản án số 107/2011/HSPT.

Cáo trạng số 158/CT-VKS ngày 12/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo **Nguyễn Thanh T** về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi là Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự đã được giải quyết trong bản án xét xử bà **Nguyễn Thị N** nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thành phố Q**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều thực hiện hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt một số bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thì Cơ quan điều tra đã làm việc, có lời khai trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa để triệu tập những người này nhưng họ vẫn vắng mặt tại

phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điều 292 Bộ luật Hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo **Nguyễn Thanh T** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở để xác định: Năm 1995, bị cáo **Nguyễn Thanh T** chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn với bà **Nguyễn Thị N** tại **xã Q, thị xã Q (nay là phường Q, thành phố Q)**. Bà **N** và bị cáo thông nhất vay, mượn tiền, vàng của nhiều người với mục đích để đầu tư vào hoạt động kinh doanh. Do quản lý vốn không tốt, phải trả lãi vay trước đó nhiều, vay của người sau trả cho người trước, kinh doanh không hiệu quả dẫn đến thua lỗ, không có khả năng thanh toán nợ nên **N** và **T** đã bỏ trốn khỏi Quảng Ngãi vào thành phố Hồ Chí Minh ngày 03/9/1997 nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Kết quả điều tra và bị cáo **T** thừa nhận tổng giá trị bị cáo cùng bà **N** chiếm đoạt của bị hại 199.200.000 đồng.

[4]. Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào năm 1997 nên sẽ áp dụng các điều khoản của Bộ luật hình sự năm 1985 để giải quyết vụ án. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Bộ luật hình sự năm 1985 về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân có khung hình phạt từ 02 năm đến 12 năm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm. Khi xét xử các vụ án hình sự thuộc các trường hợp: Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thì hành theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, Tòa án căn cứ quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV để giải quyết vụ án.

[5]. Đối với hành vi của bị cáo cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội, có đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt của các bị cáo được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố các bị cáo về tội danh và hình phạt là có căn cứ.

[6]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo **T** thành khẩn khai báo, thể hiện ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8]. Tính chất, mức độ của hành vi: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo xét thấy phải áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, góp phần đấu tranh và phòng chống tội phạm.

[9]. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo cùng bà **Nguyễn Thị N** thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên tại Bản án số 08/2011/HSST ngày 25/3/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi và Bản án số 104/2011/HSPT ngày 27/5/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử bà **Nguyễn Thị N** đã tuyên buộc bà **N** phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho những người bị hại gồm: Bà **Nguyễn Thị T4** 50.000.000 đồng; bà **Lê Thị N1** 19.700.000 đồng; bà **Nguyễn Thị Minh P** 20.000.000 đồng; bà **Từ Thị Đ** 17.000.000 đồng; bà **Nguyễn Thị T1** 15.000.000 đồng; **Huỳnh Kim X2** 2.500.000 đồng; **Phan Thị T2** 10.000.000 đồng; **Nguyễn Thị L** 19.000.000 đồng; **Đàm Thị Đ1** 20.000.000 đồng; **Nguyễn Thị H** 26.000.000 đồng. Tại Công văn số 108/GXN-THADS ngày 24/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xác nhận: Bà **Nguyễn Thị N** sinh năm 1961, địa chỉ: **Tổ B, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**, tạm trú: **Tổ dân phố E, thị trấn Đ, huyện**

Đ, tỉnh Quảng Ngãi đã thi hành trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho 10 bị hại nêu trên, còn phải thi hành: Không. Trong vụ án này bà Nguyễn Thị N không yêu cầu, ý kiến gì đối với bị cáo Nguyễn Thanh T về trách nhiệm dân sự đã thực hiện, vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh T.

- Đối với khoản tiền bà Nguyễn Thị N và bị cáo Nguyễn Thanh T vay của ông Võ Chí T3 và bà Đỗ Thị Hồng H3 là 122.000.000 đồng được giải quyết bằng vụ án khác theo quan hệ pháp luật dân sự khi một trong các bên có đơn khởi kiện nộp đến Tòa án và được thụ lý.

- Đối với số tiền bán tài sản trong nhà của bà Nguyễn Thị N và bị cáo Nguyễn Thanh T khi bỏ trốn (theo biên bản định giá ngày 10/4/1998 và ngày 22/7/1998) được 6.450.000 đồng và số tiền bán nhà xưởng kết tinh được 4.000.000 đồng được xác định là tiền của bà N và bị cáo T thì căn cứ Công văn số 1010/CCTHA ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi cung cấp thông tin kết quả thi hành án: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi đã chuyển sang thu án phí số tiền 10.160.000 đồng để thi hành Quyết định thi hành án số 428/QĐ-CCTHADS ngày 08/6/2011 theo biên lai số 02607 ngày 23/5/2014 và thu số tiền 290.000 đồng trả cho bà Nguyễn Thị T4 để thi hành Quyết định số 544/QĐ-CCTHADS ngày 09/8/2011 theo Biên lai thu tiền số 05640 ngày 23/5/2014. Như vậy, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi đã xử lý toàn bộ số tiền 10.450.000 đồng và không còn tạm giữ khoản tiền này tại Chi cục.

[10]. Đối với bà Nguyễn Thị N đã bị xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, bị cáo khai bị cáo và bà N sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn từ năm 1995, sau khi bỏ trốn đã bị khởi tố và truy nã. Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi để điều tra, làm rõ hành vi của bà N có dấu hiệu tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại Điều 19, Điều 390 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã có văn bản và tại phiên tòa kết luận bà Nguyễn Thị N không phạm tội “Che giấu tội phạm”, “Không tố giác tội phạm”, không điều tra, làm rõ gì thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự về giới hạn của việc xét xử, chỉ xét xử bị cáo Nguyễn Thanh T về hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[11]. Đề nghị của Kiểm sát viên về phần hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1, 2 Điều 175, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh T** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T** 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/10/2023 được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2023 đến ngày 31/7/2023.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo **Nguyễn Thanh T** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CQCSĐT CATP Quảng Ngãi;
- CATP Quảng Ngãi (Bộ phận lưu trữ, NV);
- CQTHAHS CATP Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thúy Ly

